TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-PT.
Ngày 18 – 9 – 2018.
V/v tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH K

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Nguyên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Tăng.

Ông Lý Thành Lê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị P Loan.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh K: Ông Nguyễn Viết Trung - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số: 06/ 2018/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "*Chia tài sản chung sau ly hôn*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17 / 2018/ HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố K, tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 921/ 2018 /QĐ - PT ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn T.

Trú tại: 129 L T V, thành phố K, tỉnh K.

Địa chỉ liên lạc: 18 Đặng Tất, thành phố K, tỉnh K (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Lương Cẩm Th.

Địa chỉ: 129 L T V, thành phố K, tỉnh K (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thanh P.

Địa chỉ: 18 Đặng Tất, thành phố K, tỉnh K (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn – chị Lương Cẩm Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, đề ngày 15/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Nguyễn Tấn T trình bày:

Tôi và chị Lương Cẩm Th đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2017 của TAND thành phố K. Khi ly hôn, chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tuy nhiên, sau khi ly hôn, chúng tôi không thỏa thuận được về tài sản nên tôi yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, gồm có: Phần diện tích nhà cấp 4 (trừ 01 phòng khách, 01 phòng ngủ được xây dựng trước hôn nhân vào năm 1996, không phải tài sản chung của vợ chồng, là tài sản riêng của tôi) và 69 cây trồng các loại trên đất tại địa chỉ số 129 đường L T V, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố K, tỉnh K.

Đối với các tài sản trong nhà, tôi thống nhất để lại cho mẹ con chị Th sử dụng. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung theo quy định pháp luật. Tôi có nguyện vọng nhận phần diện tích nhà và cây trồng. Tôi sẽ thanh toán ½ giá trị tài sản chênh lệch cho chị Th theo kết quả định giá của Tòa án ngày 21/3/2018. Riêng đối với 01 cánh cửa sắt (tại phòng ngủ 01), Hội đồng định giá tài sản không đưa ra được mức giá. Tôi sẽ nhận cánh cửa này và tự nguyện thanh toán cho chị Th 1.000.000 đồng. Trong thời kỳ hôn nhân, chúng tôi không có nợ chung.

Đối với nguyện vọng của chị Th về việc yêu cầu tôi thanh toán số tiền tương đương 05 mét đất để 03 mẹ con ổn định cuộc sống, tôi không đồng ý. Bởi khi thực hiện việc cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo Quyết định ly hôn của Tòa án, do khả năng tài chính của tôi quá khó khăn nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K đã kê biên và chuyển quyền sở hữu tài sản duy nhất của tôi là xe máy cho chị Th. Tháng 11/2017, tôi cũng đã khởi kiện vì có nguyện vọng nuôi con chung là Nguyễn Hoài Trâm A nhưng chị Th không đồng ý nên tôi đã rút đơn. Nếu chị Th cảm thấy không có khả năng nuôi cháu Trâm A thì giao con cho tôi nuôi. Đối với con chung là Nguyễn Thị Thúy V (đang học Đại học), tôi cấp dưỡng nuôi cháu từ tháng 01/2017 đến tháng 01/2018. Sau khi học xong, cháu có thể về nhà ở chung với tôi. Yêu cầu của chị Th vượt quá khả năng tài chính của tôi nên tôi không đồng ý.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 24/01/2018 là 2.400.000 đồng; ngày 21/3/2018 là 2.100.000 đồng, tôi đề nghị tôi và chị Th mỗi người chịu một nửa.

Tại bản tự khai đề ngày 29/11/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn - chị Lương Cẩm Th trình bày:

Về thời gian ly hôn, tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, tôi thống nhất như anh Nguyễn Tấn T trình bày ở trên. Tôi không yêu cầu chia các tài sản khác trong nhà. Tôi không đồng ý mức định giá nhà và cây vì quá thấp. Tuy

nhiên, tôi không đưa ra được mức giá nào khác. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định pháp luật. Tôi có nguyện vọng anh T nhận nhà và cây trồng. Sau đó, anh T thanh toán lại cho tôi khoản tiền có giá trị tương đương 5 mét đất để mẹ con tôi ổn định cuộc sống. Riêng đối với 01 cánh cửa sắt, Hội đồng định giá tài sản không đưa ra được mức giá nên tôi đồng ý anh T sẽ nhận cánh cửa này và thanh toán cho tôi 1.000.000 đồng.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 24/01/2018 là 2.400.000 đồng; ngày 21/3/2018 là 2.100.000 đồng, tôi đề nghị anh Thành chịu vì anh T là người yêu cầu chia tài sản.

Tại bản tự khai đề ngày 29/11/2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị Thanh P trình bày:

Diện tích đất tại địa chỉ số 129 đường L T V, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố K, tỉnh K có nguồn gốc là của mẹ tôi. Mẹ tôi đã tặng cho quyền sử dụng diện tích đất này cho riêng anh T. Vào năm 2017, sau khi anh T ly hôn, anh T đã tặng cho quyền sử dụng diện tích đất này cho tôi bằng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Nay anh T và chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là diện tích nhà và số cây trồng trên đất, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tôi thống nhất với việc anh T nhận nhà và cây trồng. Tôi và anh T sẽ tự thỏa thuận với nhau về việc anh T tiếp tục sinh sống trên đất về sau. Tôi thống nhất với kết quả xem xét, định giá của Tòa án và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản án số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 27-4-2018, Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 33 và 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*" của anh Nguyễn Tấn T đề ngày 15/11/2017.

Xử:

1. Anh Nguyễn Tấn T được quyền sở hữu đối với:

- Phần nhà chính có tổng diện tích là 55,4 m^2 và công trình phụ (gồm: giếng, chuồng trại lợn, gà, mái hiên, sân, cổng, tường rào 01 và tường rào 02) nằm trên diện tích 489,8 m^2 , thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 51 tại địa chỉ số 129 L T V, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố K, tỉnh K (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 500191 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 12/7/2017 đứng tên Nguyễn Thị Thanh P). Vị trí tứ cận của thửa đất cụ thể như sau:

Phía Đông giáp thửa đất số 29, 35 dài 9,5 m.

Phía Tây giáp đường L T V dài 9 m.

Phía Nam giáp thửa đất số 34 dài 59 m.

Phía Bắc giáp thửa đất số 54 dài 59 m.

- 69 cây trồng các loại trên đất, gồm có: 02 cây bơ, 02 cây cảnh (cây phát tài), 01 cây huyết dụ, 06 cây xoài, 07 cây ổi, 15 bụi chuối, 01 cây mãng cầu, 11 cây mít, 01 cây xăm-bô-chê, 01 cây mận, bụi măng trồng, 07 cây đu đủ, 02 cây chanh, 06 bụi gùi, 01 bụi đu đủ dây leo giàn, 03 bụi sả, 02 bụi thanh long.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Tấn T và chị Lương Cẩm Th về việc anh Thành được quyền sở hữu 01 cánh cửa sắt kính (tại phòng ngủ 01) cao 1,9 m x rộng 1,7 m.

3. Anh Nguyễn Tấn T phải thanh toán cho chị Lương Cẩm Th giá trị phần tài sản chênh lệch tổng cộng là 32.843.050 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí, tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/5/2018, bị đơn – chị Lương Cẩm Th kháng cáo toàn bộ bản án vì lý do bản án chia tài sản chung không công bằng, không khách quan, không xem xét thấu đáo nguồn gốc và công sức đóng góp của chị đối với khối tài sản chung. Với quyết định của bản án, chị và 02 con không có nhà để ở nên chị yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy bản án để giải quyết lại đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

„Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp phúc thẩm và xem xét kháng cáo của các đương sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

1/ Về kháng cáo của đương sự: kháng cáo của các đương sự là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về chủ thể, thủ tục và thời hạn kháng cáo.

2/ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này , Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà phúc thẩm.

3/ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4/ Về quan điểm giải quyết vụ án, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K có quan điểm như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn Thành khẳng định: Ngay sau khi nguyên đơn và bị đơn kết hôn vào năm 1997 thì nguyên đơn và bị đơn đã về sống tại số nhà 129 đường L T V, thành phố K, tỉnh K sinh sống; Bất động sản này là tài sản hợp pháp của bà Huỳnh Thị Slà mẹ ruột của nguyên đơn. Lúc này trên đất chỉ có 1 căn nhà nhỏ của bà Sáu. Cũng ngay trong năm 1997, sau khi nguyên đơn và bị đơn kết hôn thì bà Huỳnh Thị S là mẹ ruột của nguyên đơn đã công bố cho nguyên đơn và bị đơn diện tích đất này để ở. Tuy nhiên đến năm 2007, bà S mới làm thủ tục tặng cho bất động sản này và trong hợp đồng tặng cho tài sản, bà S chỉ ghi tên bên được tặng cho tài sản là nguyên đơn mà không ghi thêm tên của bị đơn. Việc công bố và làm hợp đồng tặng cho tài sản đều trong thời gian quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đang hạnh phúc, không có mâu thuẫn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Th khai: Mặc dù biết nội dung hợp đồng tặng cho này mới chỉ ghi tên nguyên đơn nhưng bị đơn nghĩ mẹ chồng đã thực hiện lời hứa cho vợ chồng tài sản và một mình nguyên đơn đứng trong Hợp đồng tặng cho tài sản cũng không ảnh hưởng gì vì cho rằng tài sản này vẫn là tài sản chung của vợ chồng.

Sau khi làm "*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" đứng tên nguyên đơn, nguyên đơn và bị đơn cùng nhau bỏ tiền xây dựng thêm nhà trên đất và trồng thêm nhiều cây ăn trái. Tuy nhiên do nguyên đơn và bị đơn nảy sinh mâu thuẫn nên đến năm 2017 thì được Tòa án nhân dân thành phố K giải quyết, ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn, nhưng về tài sản thì không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Với tình tiết thể hiện năm 2007 bà Huỳnh Thị S là mẹ ruột của nguyên đơn đã công bố cho nguyên đơn và bị đơn diện tích đất này để ở trong thời điểm nguyên đơn và bị đơn sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn; Tuy nhiên khi làm thủ tục tặng cho bất động sản này, bà S chỉ ghi tên bên được tặng cho là nguyên đơn mà không ghi tên của bị đơn do chính nguyên đơn nêu và thừa nhận cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà S tham gia tố tụng vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để xác định thực chất bất động sản tại số nhà 129 đường L T V, thành phố K, tỉnh K có phải là tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn hay không là vi phạm nghiêm trọng khoản 4 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Th và các đương sự khác bởi lời trình bày của bà S là một trong nhiều chứng cứ xác định tài sản chung của nguyên đơn, bị đơn trong thời kỳ hôn nhân là tài sản nào để Tòa án cấp sơ thẩm làm cơ sở chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn.

Tòa án sơ thẩm cần phải hỏi ý kiến của bị đơn về "*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*" lập ngày 23/5/2017 giữa bên tặng cho tài sản là nguyên đơn và bên

nhận tài sản là chị Nguyễn Thị Thanh P (em gái nguyên đơn) cũng như ý kiến về "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất" số CK 500191do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp cho chị Nguyễn Thị Thanh P ngày 12/7/2017 bởi bất động sản này đang có tranh chấp và bị đơn cho rằng việc nguyên đơn và chị P xác lập "*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*" ngày 23/5/2017 là nhằm tẩu tán tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa chủ động hỏi nguyên đơn, bị đơn có việc sử dụng bất động sản này làm tài sản thế chấp vay tiền không? Bởi thực tế có rất nhiều vụ án Tòa án xác định được là tài sản chung của vợ chồng không chỉ việc cùng nhau xây dựng nhà trên đất được tặng cho mà cùng nhau dùng bất động sản được tặng cho đi thế chấp vay tiền.

Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ như vừa nêu nên cấp sơ thẩm giải quyết vụ án chưa đảm bảo đúng quy định pháp luật, chưa toàn diện, có vi phạm tố tụng nghiêm trọng nên chưa đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được cho cấp sơ thẩm.

Vì vậy,căn cứ điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lương Cẩm Th; hủy Bản án sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 27/4/2018 của Toà án nhân dân thành phố K, tỉnh K; giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố K giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn – anh Nguyễn Tấn T không rút đơn khởi kiện. Người kháng cáo là bị đơn – chị Lương Cẩm Th vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án. Tuy nhiên, chị Th thay đổi lý do kháng cáo là vì chị không muốn vợ chồng chia tài sản mà muốn để lại tài sản chung của vợ chồng cho 02 con chung của chị với anh Th là cháu Nguyễn Thị Thúy V (sinh ngày 20/10/1998) và cháu Nguyễn Hoài Trâm A (sinh ngày 07/02/2013). Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị Lương Cẩm Th, Hội đồng xét xử thấy:

Chị Lương Cẩm Th và anh Nguyễn Tấn T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố K nhưng chưa giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó, anh Th yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là đúng quy định của pháp luật. Các tài sản mà anh Th yêu cầu chia là: phần diện tích nhà cấp IV được xây trong thời kỳ hôn nhân (trừ 01 phòng khách và 01 phòng ngủ được xây trước thời kỳ hôn nhân) và 69 cây trồng các loại trên đất tại địa chỉ số 129 L T V, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố K, tỉnh K. Chị Th cũng thừa nhận việc ly hôn và các tài sản chung của vợ chồng như anhTh trình bày là đúng. Do đó,

Tòa cấp sơ thẩm đã tiến hành định giá và chia tài sản trên cho các bên theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Xét việc phân chia tài sản của cấp sơ thẩm thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi phân chia tài sản chung của vợ chồng, theo hoàn cảnh của các bên đương sự thì sau khi anh T, chị Th ly hôn, chị Th là người nuôi con nên lẽ ra, cần chia cho chị Th nhận nhà và cây cối hiện vật để chị và 02 con có điều kiện về chỗ ở. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ thì hiện nay, diện tích đất có nhà là do bà Huỳnh Thị S – mẹ đẻ của anh Thành tặng cho anh Thành theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà S và anh Thành được UBND phường Nguyễn Trãi, thành phố K chứng thực ngày 07-6-2007. Sau đó, ngày 23-5-2017, anh T đã tặng cho quyền sử dụng đất này cho em gái là chị Nguyễn Thị Thanh P. Anh T và chị P đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và đã được UBND phường Nguyễn Trãi, thành phố K chứng thực (việc tặng cho đất giữa anh Thành và chị P được xác lập sau khi vợ chồng anh Thành và chị Th ly hôn) nhưng diện tích đất tặng cho trong hợp đồng này chưa được Tòa án và cơ quan có thẩm quyền phân định rõ là đất do mẹ anh T cho chung vợ chồng anh T hay cho riêng anh T, nhưng anh T lại lập hợp đồng tặng cho em gái mình là nhằm mục đích tẩu tán tài sản, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Th. Do vậy, cũng cần xem xét lại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh T, chị P và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02516 ngày 12-7-2017 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp cho chị Nguyễn Thị Thanh P theo Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Hiện nay, quyền sử dụng đất này đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02516 ngày 12-7-2017 cho chị Nguyễn Thị Thanh P. Tuy nhiên, các đương sự đều thừa nhận diện tích 489,8 m^2 đất (có ngôi nhà cấp IV do vợ, chồng anh T, chị Th xây dựng trên đất này) có nguồn gốc do bà Huỳnh Thị S (mẹ đẻ anh T) cho chung vợ chồng thực tế từ năm 1997, đến năm 2007 thì bà S và anh T mới lập hợp đồng tặng cho anh T. Như vậy, hợp đồng tặng cho này là vi phạm pháp luật vì chưa thể hiện ý chí của chị Lương Cẩm Th. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – chị Lương Cẩm Th có yêu cầu chia khoản tiền tương đương 5 mét đất trong tổng số 9 m theo chiều ngang của tổng diện tích 489,8 m^2 đất mà chị cho là tài sản chung của vợ chồng chị để chị và 02 con có nơi sinh sống. Tòa sơ thẩm không đưa bà Huỳnh Thị S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chưa làm rõ nguồn gốc và việc tặng cho đất giữa bà Huỳnh Thị S (mẹ anh T) là cho riêng anh T hay cho chung vợ chồng anh T là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử áp dụng án lệ số 03/2016/AL ngày 06/4/2016 của TANDTC để làm căn cứ xem xét và xác định tài sản do cha, mẹ cho vợ chồng chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh T và chị Th trong vụ án này.

[5] Bên cạnh đó, nguyên đơn bổ sung yêu cầu chia 69 cây cối trong vườn sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải vượt quá

phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nhưng cấp sơ thẩm vẫn xem xét giải quyết là vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 71, Khoản 3 Điều 200, Khoản 2 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy những vi phạm tố tụng của cấp sơ thẩm là nghiêm trọng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn – chị Lương Cẩm Th và căn cứ Khoản 3 Điều 308, Khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 27-4-2018 của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K giải quyết lại theo thủ tục chung.

[6]Về án phí: Vì bản án sơ thẩm bị hủy nên chị Lương Cẩm Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm được quyết định khi vụ án được giải quyết sơ thẩm lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308, Khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận đơn kháng cáo đề ngày 08-5-2018 của bị đơn – chị Lương Cẩm Th.

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 27-4-2018, Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí:

Căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Chị Lương Cẩm Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001408 ngày 14-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh K.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (18/9/2018)./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh K;
- TAND TP K;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của các đs;
- Lưu Tòa DS, hồ sơ vụ án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Nguyên